

NHỮNG CÔNG HIẾN TRÊN LĨNH VỰC QUÂN SỰ, QUỐC PHÒNG CỦA AN TÂY MƯƠ LƯỢC TƯỚNG CÔNG DOãn UẨN

LÊ ĐÌNH SỸ*

Doãn Uẩn (1795-1850) quê làng Ngoại Lãng, nay là xã Song Lãng, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Ông là trưởng nam của cụ Lãng Khê Doãn Đình Dụng và bà Nguyễn Thị Tào (con gái Tiến sĩ Nguyễn Như Thúc). Tuổi học trò, Doãn Uẩn được cha và các chú bác trong nhà, đều là những bậc túc nho, khoa bảng trực tiếp rèn dạy. Năm 19 tuổi ông là học trò của Đình nguyên Hoàng giáp Bùi Huy Bích, một cận thần danh vọng thời Hậu Lê. Sau hai lần đỗ tú tài, năm Minh Mệnh thứ 9, khoa Mậu Tý (1828), Doãn Uẩn đỗ Cử nhân hạng ưu. Cuối năm Kỷ Sửu (1829) vào thi Hội không đỗ, nhưng là người học nhiều biết rộng, ông được triều đình bổ chức Điển bạ Hàn lâm viện, chính thức sự nghiệp quan trường.

Trải qua ba triều vua Minh Mệnh, Thiệu Trị và Tự Đức, trong khoảng 20 năm, Doãn Uẩn nắm giữ nhiều chức vụ và công việc khác nhau: Từ chức Chủ sự, Viện ngoại lang, Lang trung, Thị lang cho đến Tả hữu, Tham tri ở Bộ Hộ, Bộ Lại và Bộ Hình, rồi tới Thượng thư Bộ Binh. Doãn Uẩn cũng đã từng giữ chức Án sát các tỉnh Vinh Long, Thái Nguyên; Tuần phủ Hưng Yên, Vinh Long; Tham tán Bang biện đại thần Trấn Tây; Khâm sai đại thần, Tổng

đốc An Giang rồi Tổng đốc An - Hà (An Giang - Hà Tiên). Ông từng 5 lần được bổ làm phúc khảo, chủ khảo, khâm sai ở các trường thi Nghệ An, Bắc Thành (Hà Nội), Gia Định, Thừa Thiên. Trong suốt cuộc đời hoạt động chính trường, Doãn Uẩn luôn là một vị quan liêm khiết, một chính trị gia vì nước vì dân; đặc biệt ông là một vị nho tướng có tài thao lược, có công lớn trong việc mở mang, khai thác vùng đồng bằng sông Cửu Long và cầm quân bảo vệ biên giới phía Tây Nam của Tổ quốc, đã nhiều lần tham gia đánh dẹp, ổn định tình hình trị an ở nhiều vùng trọng yếu.

Năm Minh Mệnh thứ 13 (1832), sau khi làm quan được 3 năm, nhân lúc có chỉ dụ cho phép các quan tiến cử người hiền tài, Doãn Uẩn được Tham tri Bộ Hộ là Bùi Phổ tin tưởng, hết lời đề cử nên đã được triều đình giao trọng trách, từ chức Lang trung Bộ Hộ thăng làm Tham tri Bộ Hộ và quyền Án sát Vinh Long. Trong công việc, nhiều lần Doãn Uẩn đã tâu bày các kế sách và được vua Minh Mệnh, Thiệu Trị khen ngợi rằng: *Mọi việc đều nhận xét đúng, biết lo liệu, siêng năng, chu đáo việc công.*

Tháng 3 năm 1833, ông được thăng chức Án sát Vinh Long; tiếp đó (6-1833), tham gia Hội đồng Tổng đốc quan phòng Vinh

* Đại tá, PGS-TS. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam

Long - Định Tường. Tháng 10-1833, ông chỉ huy quân đội đánh thắng giặc, đẩy lùi cuộc xâm nhập của quân Xiêm (Thái Lan) ra khỏi đất An - Hà; ông thực thi tốt chính sách "Hoà hợp bộ lạc, củng cố bờ cõi lâu dài" do vua Minh Mệnh đề xướng; và cùng với công lao xông pha trận mạc, thu phục thành Vĩnh Long, ông được vua Minh Mệnh ngợi khen rằng: *"Doãn Uẩn đúng là người biết làm việc quân tử"*, được bổ chức Hình bộ Thị Lang trung. Lúc bấy giờ, tình hình ở Thái Nguyên hết sức phức tạp khiến triều đình lo lắng, nên tháng 8-1834, Doãn Uẩn được điều về giao chức Án sát Thái Nguyên để lo việc "làm yên lòng dân và đôn đốc việc quân". Vua Minh Mệnh nói với các quan rằng: *"Doãn Uẩn có khả năng xử lý những việc khó khăn gấp gáp nơi biên di. Lệnh tức khắc lên đường"*. Ông cùng Phạm Đình Phổ và Nguyễn Công Trứ đã dẹp yên được một số cuộc nổi dậy chống triều đình ở Thái Nguyên, Tuyên Quang, trong đó có phong trào của tù trưởng Nông Văn Vân. Ông cũng đã đốc coi quân lương ở Bắc Cạn, đặt các đồn ở đường để truyền tin. Chỉ trong vòng chưa đầy một năm, Doãn Uẩn đã thu phục được các thổ quan và tông đảng bọn phi, vỗ yên lòng dân ở Chợ Mới, Bạch Thông, Chợ Rã...

Tháng 7 năm Bính Tuất (1836), Doãn Uẩn dâng sớ xin vua tập trung quân về tỉnh thành Định Tường, bao vây và tiêu trừ được hơn 60 tên giặc. Kế nổi loạn là Lưu thủ Hoàng Văn Thông và Phó lưu thủ Trần Khắc Doãn chịu tội lăng trì. Sau sự kiện này, nhà vua giao giữ chức Hữu Thị lang Bộ Lại. Tháng 11-1836, ở Hưng Yên xảy ra mâu thuẫn lương giáo, những người Giátô giáo gây ra nhiều vụ lộn xộn, làm lòng dân lo lắng không yên, Doãn Uẩn lại được giao trọng trách là Kinh lược Phó sứ, quyền Tuần phủ quan phòng Hưng Yên. Công

việc giải quyết ổn thoả, giữ được hòa khí. Sau đó Doãn Uẩn được giữ chức Tả Thị lang Bộ Hộ.

Tháng 12 năm đó (1836), Doãn Uẩn lại được điều làm Kinh lược Phó sứ Thanh Hoa. Ông đã cùng Kinh lược sứ Trương Đăng Quế và phó sứ Nguyễn Đăng Giai đi dẹp loạn, chia ruộng đất, tổ chức thôn xã và thiết lập chính quyền quản lý chặt chẽ vùng nông thôn. Công việc giải quyết xuôi chảy, nhân dân được yên ổn mọi bề. Nhà vua dụ thưởng công cho Doãn Uẩn một áo xẻ bụng bằng đoạn màu quan lục có hoa mẫu đơn ngũ sắc, một quần nhiễu trơn màu hồng và 100 quan tiền. Tháng 1-1837, Doãn Uẩn được giao kiêm chức Phó sứ đạo Nông Cống. Ông dẫn quân đánh thẳng vào Thọ Thắng, nơi sào huyệt của Chánh thống lãnh Lê Duy Hiển, lập được công to và từ Thọ Thắng tiến đến sách Quân Thiên, động Lâm Tự, bọn giặc tan rã, hàng trăm người ra đầu thú. Doãn Uẩn đều tha cho và treo biển chiêu an. Ông được vua dụ thưởng quân công Ký lục hai thứ. Tháng 3 năm đó, Doãn Uẩn liên tiếp lập công, dẹp được nhiều vụ chống đối, bắt nhiều giặc ở Lương Sơn, bắt được gián điệp Lê Công Vụ và đầu mục Lê Yên. Với chiến công này, ông được vua thưởng 200 quan tiền. Tháng 7-1837, Doãn Uẩn được bổ chức Hữu Thị lang Bộ Hình, chuyên việc đi kiểm duyệt ở những nơi quan yếu.

Tháng 4-1838, Doãn Uẩn mang ấn Hưng Yên tuần phủ quan phòng, tiếp đó lại giữ chức Tổng đốc Định - Yên (Nam Định - Hưng Yên), rồi lại được cử làm Tuần phủ Hưng Yên.

Tháng 2-1839, Tả Thị lang Bộ Hộ Doãn Uẩn cùng quyền Tả tham tri Bộ Lễ Tôn Thất Bách, Bó chánh Quảng Nam Vương Hữu Quang đi kiểm duyệt dân đinh và ổn

định tình hình an ninh các hạt Quảng Trị, Quảng Bình, Thừa Thiên, Quảng Nam và Quảng Ngãi. Tháng 10 năm đó, ông được cử vào Bình Định để thực hiện quân cấp ruộng đất. Việc quân điền hoàn thành tốt, nhân dân yên ổn làm ăn, an ninh trở lại bình thường. Do những công lao này, khi trở về kinh đô, vua Minh Mệnh rất ngợi khen, thưởng cho Doãn Uẩn: 1 nhẫn dát ngọc kim cương 3 hạt liền, 1 thẻ bài ngọc trắng, 1 đồng tiền vàng khắc chữ “Như ý”, nhẫn vàng mỗi thứ một chiếc và tặng thêm hai cấp quân công.

Qua một số sự kiện nêu trên, chúng ta Doãn Uẩn luôn được vua Nguyễn tin dùng và ông tỏ ra là người tháo vát, năng động, làm việc không biết mệt mỏi với những đóng góp thiết thực ích nước, lợi dân. Là con người hành động, Doãn Uẩn đã không ngại xông pha đến những nơi khó khăn nguy hiểm nhất, hoàn thành mọi trọng trách được giao. Đến đâu ông cũng tỏ ra là người có tài xử trí, giải quyết công việc một cách khéo léo, êm thấm, có lý có tình. Đối với những người thuộc dân tộc thiểu số, rất ít khi ông dùng vũ lực mà thường bằng ân đức khuyên dụ, thu phục nhân tâm. Ông thường tâu bày lên trên xin bằng được sự khoan dung, độ lượng và đình việc tra xét đối với những người lầm lỗi từng tham gia các cuộc nổi dậy chống chính quyền mà đang phải lẩn trốn. Vì thế, Doãn Uẩn đi đến đâu công việc thường trôi chảy và được nhân dân nể phục.

Một con người có nhiều kinh nghiệm “*Trị loạn yên dân*” như Doãn Uẩn, không thể đứng ngoài một công việc hệ trọng nhất mà triều đình Huế vốn đã từ lâu hết sức quan tâm lo lắng. Đó là vấn đề đất đai và biên giới phía Tây Nam. Cuộc chiến tranh nhằm tranh giành ảnh hưởng giữa triều Nguyễn và Xiêm đối với Chân Lạp đã diễn

ra suốt thời vua Gia Long, đến khoảng năm Mậu Tuất (1838) lại bùng phát ác liệt. Vua Xiêm nhân lúc triều đình Huế lo chống chọi với các cuộc nổi dậy trong nước đã đưa quân thực hiện tham vọng chiếm Chân Lạp và vùng đất phía Tây Nam của ta. Tháng 6 năm Canh Tý (1840), Minh Mệnh chọn Doãn Uẩn làm Phó Khâm sai đại thần vào Trấn Tây để xét định lại các ngạch thuế, thực chất là nhà vua muốn sử dụng tài năng của ông trong việc quản lý một vùng biên cương quan trọng của Tổ quốc. Tháng 7, vào đến nơi thì cùng lúc quân Xiêm chiếm thành Nam Vang và tiến quân quấy rối vùng biên giới Tây Nam. Lúc đó, tình hình Trấn Tây rất phức tạp, Doãn Uẩn liền được cử làm Bang biện đại thần Trấn Tây, đã cùng Tham tán Trương Minh Giảng, Hiệp tán Lê Văn Đức bàn mưu đối phó, bố trí trên 1.300 quân giữ thành Trấn Tây. Ở đây, Doãn Uẩn đã xét định các loại thuế, ổn định cuộc sống của dân, mọi việc giải quyết có lý, có tình, nhân dân vui vẻ hồ hởi đóng thuế và ủng hộ quân đội. Việc biên giới giải quyết ổn thoả, giữ yên được vùng biên cương phía Tây Nam. Doãn Uẩn, Lê Văn Đức và những người tuý phái đều được nhà vua khen thưởng. Khi vua Minh Mệnh mất, Thiệu Trị lên thay, Doãn Uẩn được lệnh rút khỏi Trấn Tây, trở về triều, giữ chức Hữu Tham tri Bộ Hộ.

Năm Giáp Thân (1844), Doãn Uẩn lại được cử vào Nam với chức Tuần phủ An Giang, coi giữ một tỉnh địa đầu biên giới. Biết rõ tài năng của ông, trước khi đi, vua Thiệu Trị đã phủ dụ rằng: “*Nếu không phải là bầy tôi thân tín, há có thể giao phó việc quan trọng về biên cương*” và “*Với Khanh thì trăm đã biết từ lâu, nên vì trăm mà hết lòng giúp việc lớn ở biên giới*”. Suốt một năm trời, Doãn Uẩn đã cùng Tổng đốc An - Hà Nguyễn Tri Phương ứng phó hết

sức khôn khéo và mưu lược, bằng cách vừa ngăn chặn các âm mưu lật lọng của địch vừa khơi sâu mâu thuẫn giữa Xiêm với Chân Lạp, ra sức chiêu dụ, lôi kéo những thổ mục, thổ dân ủng hộ mình, chống quân Xiêm.

Tháng 5-1845, lợi dụng lúc nội tình quân Xiêm và Chân Lạp lục đục, người Cao Miên cầu viện để chống xâm lược Xiêm, triều đình Huế quyết định giải quyết vấn đề Chân Lạp, Doãn Uẩn trở thành vị tướng tiên phong trực tiếp cầm quân phá giặc. Quân ta càng đánh khí thế càng hăng. Bị dồn đuổi tới cùng, cuối năm 1845, quân Xiêm buộc phải xin hàng; tù trưởng Chân Lạp làm tay sai cho Xiêm cũng phải đến tận bản doanh của Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn xin nhận tội. Tin thắng trận liên tiếp được báo về kinh đô. Sau chiến thắng ở Sách Sô, vua Thiệu Trị khen tặng Doãn Uẩn: quân công hạng nhất, một nhẫn vàng mặt khảm liên châu và một đồng tiền vàng khắc chữ “Ngũ phúc”.

Tháng 8-1845, quân của Doãn Uẩn phá đồn Thiết Thành nằm ở vị trí hiểm yếu ở thượng lưu Tiền Giang trên đường tới Nam Vang, hơn 600 quân Xiêm bị giết, thu được nhiều thuyền bè, vũ khí. Thừa thắng, Doãn Uẩn cùng Nguyễn Tri Phương tiến quân chiếm lại thành Trấn Tây, ép quân giặc phải bỏ cả thành Nam Vang chạy về Ô Đông cố thủ. Tháng 9-1845, quân thủy bộ nhà Nguyễn tiến tới Vĩnh Long, truy bắt tướng Xiêm cùng bọn tù trưởng Chân Lạp phản bội và sau đó chiếm thành Ô Đông, nơi ẩn náu của quân Xiêm xâm lược. Nhiều lần quân địch phản công, ông đã dùng kế đặt phục binh, chia tả hữu cùng đánh, giành thắng lợi lớn. Lúc đó, Doãn Uẩn đã ghi trong nhật ký của mình rằng: *“Cùng ngày, tiến đánh tới 30 nơi..., tiếng súng nổ*

liền cả ngày đêm. Từ trước đến nay chưa có lần nào chiến đấu ác liệt đến thế”.

Với chiến công trong việc tiêu trừ giặc Xiêm, giữ yên bờ cõi phía Tây Nam của Tổ quốc, Tham tán đại thần Doãn Uẩn được ghi nhận trong chính sử triều Nguyễn: “Nhiều lần, những trận đánh ở Vĩnh Bích, Thông Bình, Sách Sô, trước lập công đầu, từ Thiết Thành, Trấn Tây tiến đến Vĩnh Long, đánh Ô Đông đến bày mưu chước lạ, nắm phần thắng”. Vua Thiệu Trị hết lời khen ngợi: “Doãn Uẩn xuất thân từ quan văn, làm đến chức Tuần phủ, giao coi việc quân thì phấn đấu lập công, 3 lần thắng trận rất đáng ngợi khen”.

Mùa Đông năm 1845, vua Thiệu Trị ban riêng cho Doãn Uẩn một chiếc áo nhung màu xanh biếc, thân áo có thêu 4 chữ: *“Đoàn long bát bảo”*. Vua còn truyền nhân rằng: *“Khanh mặc chiếc áo ấy cứ coi như trăm dã tới nơi tự cởi áo mặc cho khanh, cho một vị tướng có công lớn ở nơi biên giới xa”*. Sau đại thắng ở Ô Đông, Doãn Uẩn và Nguyễn Tri Phương bị ốm, Thiệu Trị ban cho thuốc bổ, nhân sâm và chỉ cho giữ một chức để dưỡng sức là: *“Tham tán đại thần cho việc trừ mưu, hiến kế”*. Từ đây, quân thứ Trấn Tây đã hoàn thành vẻ vang việc quân; biên cương yên ổn, các nước láng giềng thân phục, triều cống; mọi người được hưởng ân đức.

Mùa Xuân, tháng 2-1847, vua Thiệu Trị thưởng cho các quan đại thần Trấn Tây có công lao đặc biệt, bình định được Trấn Tây, đánh đuổi quân Xiêm, ổn định biên giới. Bốn người là Doãn Uẩn, Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Đăng Giai và Lê Văn Phú đều được thưởng một cấp tước dật. Riêng Doãn Uẩn được thưởng: Một nhẫn ngọc kim cương hạt lớn bít vàng, một bài đeo có dây tua xam ngọc san hô tốt có chữ “Bình an”,

một đồng vàng hạng vừa có dây tua khắc chữ “Vạn thế vinh lai”, một đồng kim tiền “Nhị nghị” có dây tua và một bài vàng khắc dòng chữ “An Tây mưu lược tướng”.

Tháng 6-1847, vua Thiệu Trị sắc phong: “*Doãn Uẩn - Bình Bộ Thượng thư kiêm Đô đốc ngự sử, Tổng đốc An - Hà, An Tây mưu lược tướng. Tước tử, hiệu Tuy Tĩnh*”. Nhà vua cho đúc 12 cỗ súng quý bằng đồng gọi là “Thần uy phục viễn đại tướng quân” có bài ngự của vua ghi chép để làm kỷ niệm; đồng thời cho khắc công lao và tên Doãn Uẩn lên cỗ thứ nhất để ghi nhớ công trạng của ông. Sắc của vua ghi rằng: “Ba lần thắng trận, lập được công đầu, mưu lược của văn thần, tấn công to lớn, đem uy trời để vỗ yên, phục phương xa, khắc vào bảo vật, truyền ức muôn năm rất trọng. Sắc cho An Tây mưu lược tướng, Tuy Tĩnh tử Doãn Uẩn” (1).

Năm Kỷ Dậu (1849), vua Tự Đức cho khắc bia đặt ở Võ Miếu (Huế) ghi công Doãn Uẩn ở hàng thứ ba trong sáu quan đại thần có công dẹp yên Trấn Tây, gồm Vũ Văn Giai, Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn, Đoàn Văn Sách, Nguyễn Hoàng và Tôn Thất Nghị. Nhà vua ban sắc truy tặng cho cha mẹ Doãn Uẩn.

Doãn Uẩn còn là một nhà thơ, nhà văn. Ngoài giá trị thơ văn, những tác phẩm của ông còn mang một giá trị đặc biệt về lịch sử, địa lý, phản ánh cuộc đấu tranh bảo vệ vùng biên giới phía Tây Nam của Tổ quốc.

Ngày 21 tháng 11 năm Kỷ Dậu (3-1-1850), Doãn Uẩn bị bệnh qua đời tại An Giang. Vua Tự Đức truy tặng ông hàm Hiệp biện Đại học sĩ, cấp tiền tuất và táng phí về quê theo lệ đối với một đại thần có công lao đệ nhất. Tên của ông được khắc ghi trong đền Hiến Lương (kinh đô Huế), nơi thờ các công thần nổi tiếng của triều Nguyễn. Nhiều làng quê ở An Giang, Hà Tiên đã dựng đền thờ ông, ở các làng Ngoại Lãng, Khê Cẩn cũng có đền thờ ông. Người Nam Bộ truyền lời ca ngợi Doãn Uẩn rằng: “Là quan võ thì bất chấp cái chết, là quan văn thì chẳng ham tiền tài, lòng chỉ mơ ngày thiên hạ thái bình. Sống thì anh hùng và khí khái, chết thì lẫm liệt như sống mãi”; đó là sự khẳng định về một con người văn võ song toàn, đã cống hiến trọn đời cho việc giữ gìn đất đai non sông đất nước vào nửa đầu thế kỷ XIX ở nước ta. Doãn Uẩn đã được xếp vào hàng những nhân vật kiệt xuất, văn võ toàn tài. Cống hiến của Doãn Uẩn trên lĩnh vực quân sự, quốc phòng rất đáng được lịch sử ghi nhận.

CHÚ THÍCH

(1). *Đại Nam thực lục chính biên*, Tập 26, Nxb

Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972, tr. 241.